

---

## **Công ty Cổ phần Traphaco**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

# Công ty Cổ phần Traphaco

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 45

# Công ty Cổ phần Traphaco

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Traphaco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2566/1999/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 9 năm 1999 của Bộ Giao thông vận tải và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 058437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 6 năm 2014.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, hóa chất và vật tư, thiết bị y tế.

Công ty có trụ sở chính tại số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty	Số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Traphaco	Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Nam Định	Tỉnh Nam Định
Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Bình Dương	Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên

# Công ty Cổ phần Traphaco

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Thuận	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Túc Mã	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Hồng Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Chad Ryan Ovel	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Christopher E.Freund	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Marcus John Pitt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Nông Hữu Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Mạnh Hữu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Bà Trần Tuệ Tri	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Phan Quốc Công	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2015

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Đức Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2016
Bà Phạm Thị Thanh Duyên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Túc Mã	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Văn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Rượu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Túc Mã, Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Traphaco

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Traphaco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Phúc Mã  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

Số tham chiếu: 61283515/ 18741598/ HN - LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Traphaco**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Traphaco ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 15 tháng 3 năm 2016. Đồng thời, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 27 tháng 8 năm 2015.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phân loại lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.018.803.835.065</b>	<b>965.855.966.017</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>276.787.145.605</b>	<b>345.097.768.053</b>
111	1. Tiền		92.162.732.519	89.495.341.186
112	2. Các khoản tương đương tiền		184.624.413.086	255.602.426.867
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>10.250.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.250.000.000	2.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>420.142.889.137</b>	<b>297.577.688.871</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	273.985.139.574	228.504.056.025
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	133.118.214.169	54.710.524.507
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.213.009.893	19.020.835.687
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(6.854.632.469)	(5.338.885.318)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		681.157.970	681.157.970
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>300.560.531.744</b>	<b>312.487.370.179</b>
141	1. Hàng tồn kho		301.306.033.968	313.185.417.222
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(745.502.224)	(698.047.043)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.063.268.579</b>	<b>8.693.138.914</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.201.222.151	1.869.609.753
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.835.127.351	6.743.458.585
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		26.919.077	80.070.576



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phân loại lại)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>345.652.650.185</b>	<b>330.667.447.115</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>491.157.110</b>	<b>691.157.110</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	200.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		491.157.110	491.157.110
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>229.696.834.517</b>	<b>235.312.746.043</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	190.869.943.508	195.900.617.990
222	Nguyên giá		410.910.267.765	403.927.772.768
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(220.040.324.257)	(208.027.154.778)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	38.826.891.009	39.412.128.053
228	Nguyên giá		42.147.480.745	42.147.480.745
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.320.589.736)	(2.735.352.692)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>77.673.771.598</b>	<b>57.379.298.895</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	77.673.771.598	57.379.298.895
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.848.307.217</b>	<b>5.122.476.148</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14	4.298.307.217	4.360.499.166
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		509.417.661	509.417.661
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.417.661)	(9.417.661)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.000.000	261.976.982
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>32.942.579.743</b>	<b>32.161.768.919</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	5.853.798.182	3.267.404.499
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	1.547.367.721	1.244.171.195
269	3. Lợi thế thương mại	15	25.541.413.840	27.650.193.225
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.364.456.485.250</b>	<b>1.296.523.413.132</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>382.318.223.968</b>	<b>329.667.417.867</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>371.924.431.646</b>	<b>329.257.417.867</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	221.169.530.662	203.655.173.212
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		504.855.024	564.818.018
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	23.524.546.333	32.475.782.743
314	4. Phải trả người lao động		33.531.791.349	49.720.285.839
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	39.913.866.618	13.551.471.691
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		1.520.751.755	977.229.098
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	33.274.777.038	8.554.745.103
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	14.074.600.000	14.630.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.409.712.867	5.127.912.163
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>10.393.792.322</b>	<b>410.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		90.000.000	110.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	10.303.792.322	300.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>982.138.261.282</b>	<b>966.855.995.265</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>979.967.711.835</b>	<b>964.499.646.230</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	21.1	345.455.160.000	246.764.330.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		345.455.160.000	246.764.330.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	153.747.160.000	153.747.160.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	21.1	(3.593.000)	(3.593.000)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.1	-	179.264
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	311.806.967.792	312.296.798.152
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	75.899.719.710	166.416.575.824
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(23.842.441.008)	129.713.730.992
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		99.742.160.718	36.702.844.832
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	93.062.297.333	85.278.195.990
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>2.170.549.447</b>	<b>2.356.349.035</b>
431	1. Nguồn kinh phí		400.676.486	445.676.486
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.769.872.961	1.910.672.549
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.364.456.485.250</b>	<b>1.296.523.413.132</b>

*Thục*

*Đinh*



Người lập  
Nguyễn Ngọc Thục

Kế toán trưởng  
Đinh Trung Kiên

Tổng Giám đốc  
Trần Túc Mã

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.022.433.211.400	962.167.664.960
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	3.500.164.460	1.289.641.449
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	1.018.933.046.940	960.878.023.511
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	534.548.210.286	516.218.979.095
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		484.384.836.654	444.659.044.416
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	6.791.014.730	3.743.919.759
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	26	42.707.564.117 566.664.000	40.271.378.750 849.373.011
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	14	63.518.051	138.351.327
25	9. Chi phí bán hàng	27	226.420.183.928	219.618.450.324
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	85.512.001.985	79.283.343.027
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		136.599.619.405	109.368.143.401
31	12. Thu nhập khác		2.539.546.052	1.860.619.389
32	13. Chi phí khác		1.448.237.175	695.776.636
40	14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		1.091.308.877	1.164.842.753
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		137.690.928.282	110.532.986.154
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.2	25.523.185.830	21.920.083.230

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(303.196.526)	(14.899.370)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		112.470.938.978	88.627.802.294
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		100.938.931.773	76.509.879.673
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22	11.532.007.205	12.117.922.621
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.922	2.027
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	2.922	2.027

*Thủy*

Người lập  
Nguyễn Ngọc Thủy

*Đinh*

Kế toán trưởng  
Đinh Trung Kiên



Tổng Giám đốc  
Trần Túc Mã

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>137.690.928.282</b>	<b>110.532.986.154</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		17.312.319.042	14.144.953.247
03	Các khoản dự phòng		1.563.202.332	523.175.845
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(510.097.793)	1.458.272.058
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.005.219.526)	(2.894.208.974)
06	Chi phí lãi vay		566.664.000	849.373.011
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>151.617.796.337</b>	<b>124.614.551.341</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(96.068.391.622)	(38.351.039.906)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		11.879.383.254	(38.136.701.161)
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		49.670.076.886	51.925.433.836
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.918.006.081)	160.381.009
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.502.256.295)	(920.125.386)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(34.420.542.755)	(36.825.951.948)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		373.039.759	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.209.071.569)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>68.422.027.914</b>	<b>62.466.547.785</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(92.718.477.856)	(40.318.645.591)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		141.500.000	118.181.817
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.250.000.000)	(3.761.976.982)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		211.976.982	1.788.845.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.088.297.808	3.112.604.958
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(95.526.703.066)</b>	<b>(39.060.990.798)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		11.183.392.322	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.735.000.000)	(19.157.749.427)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		(50.657.016.443)	(73.874.969.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(41.208.624.121)</b>	<b>(93.032.718.427)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(68.313.299.273)</b>	<b>(69.627.161.440)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		345.097.768.053	292.169.010.449
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.676.825	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>276.787.145.605</b>	<b>222.541.849.009</b>

*Thư*

*Đinh Trung Kiên*



Người lập  
Nguyễn Ngọc Thúy

Kế toán trưởng  
Đinh Trung Kiên

Tổng Giám đốc  
Trần Túc Mã

Ngày 26 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Traphaco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2566/1999/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 9 năm 1999 của Bộ Giao thông vận tải và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 058437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 6 năm 2014.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, hóa chất và vật tư, thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty	Số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Traphaco	Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Nam Định	Tỉnh Nam Định
Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long
Chi nhánh Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Bình Dương	Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.547 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.520).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty TNHH MTV TraphacoSapa	100%	100%	Tổ 9, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai	Nuôi trồng, chế biến dược liệu, nông lâm sản thực phẩm; Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, dược liệu, thực phẩm.
2	Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco	51%	51%	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất các sản phẩm đông dược.
3	Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Đắc Lắc	58%	58%	Số 9A đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, các sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng; Xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu, thiết bị y tế.
4	Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Thái Nguyên	51%	51%	Số 477, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm.
5	Công ty TNHH MTV Traphaco Hưng Yên	100%	100%	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất các sản phẩm đông dược.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa công ty mẹ và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa                        | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	30 - 50 năm
Chi phí giải phóng mặt bằng	32 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

#### 3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính từ tám (8) đến mười (10) năm. Định kỳ Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	6.287.573.991	4.451.307.873
Tiền gửi ngân hàng	85.075.158.528	85.044.033.313
Tiền đang chuyển	800.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	184.624.413.086	255.602.426.867
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>276.787.145.605</u></b>	<b><u>345.097.768.053</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,5 – 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 4,3 – 5,0%/năm).

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.250.000.000	10.250.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.250.000.000</u></b>	<b><u>10.250.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn từ ba tháng đến dưới một năm và hưởng lãi suất từ 5,4 – 5,8%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5 – 6%/năm).

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	269.795.203.372	225.935.904.507
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Dương</i>	136.178.957.856	91.446.980.689
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	133.616.245.516	134.488.923.818
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 30)</i>	4.189.936.202	2.568.151.518
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>273.985.139.574</u></b>	<b><u>228.504.056.025</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN** (tiếp theo)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	133.118.214.169	54.710.524.507
Công ty TNHH chế tạo máy Tiến Tuấn	15.601.462.130	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	117.516.752.039	54.710.524.507
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>133.118.214.169</b>	<b>54.710.524.507</b>

**6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	5.338.885.318	4.235.806.586
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.515.747.151	300.351.023
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.854.632.469</b>	<b>4.536.157.609</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	13.757.018.673	(150.000.000)	2.291.173.737	-
Ký quỹ, ký cược	1.742.010.353	-	2.110.067.717	-
Lãi dự thu	885.039.896	-	1.336.730.123	-
Phải thu quỹ khen thưởng, phúc lợi	296.909.261	-	9.893.124.767	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.532.031.710	-	3.389.739.343	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.213.009.893</b>	<b>(150.000.000)</b>	<b>19.020.835.687</b>	<b>-</b>

**8. NỢ XẤU**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ				
Trung tâm Y Tế quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	1.143.644.080	883.397.959	-	-
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	8.503.409.500	2.177.888.106	7.150.710.067	1.811.824.749
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.647.053.580</b>	<b>3.061.286.065</b>	<b>7.150.710.067</b>	<b>1.811.824.749</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	119.682.089.191	(648.291.787)	117.378.167.887	(612.591.552)
Công cụ, dụng cụ	442.054.436	-	13.150.884.772	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.813.503.694	-	25.286.759.880	-
Thành phẩm	105.764.354.119	-	93.785.390.977	-
Hàng hóa	48.604.032.528	(97.210.437)	47.196.988.860	(85.455.491)
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	3.965.572.722	-
Hàng gửi đi bán	-	-	12.421.652.124	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>301.306.033.968</b>	<b>(745.502.224)</b>	<b>313.185.417.222</b>	<b>(698.047.043)</b>

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	698.047.043	636.465.426
Dự phòng trích lập trong kỳ	47.455.181	222.824.822
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>745.502.224</b>	<b>859.290.248</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	922.678.027	504.872.651
Chi phí cải tạo, lắp đặt	1.134.574.390	462.500.867
Chi phí thuê quyền thuốc	307.880.725	77.000.000
Chi phí bản quyền phần mềm	403.881.783	184.169.590
Khác	432.207.226	641.066.645
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.201.222.151</b>	<b>1.869.609.753</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí cải tạo, lắp đặt và sửa chữa thiết bị	3.114.662.475	1.414.737.090
Công cụ, dụng cụ	927.248.568	435.687.834
Chi phí tư vấn	102.525.260	146.464.652
Khác	1.709.361.879	1.270.514.923
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.853.798.182</b>	<b>3.267.404.499</b>

## Công ty Cổ phần Traphaco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	168.238.618.047	162.914.517.754	55.917.669.558	13.204.229.455	3.652.737.954	403.927.772.768
- Mua trong kỳ	394.462.727	5.215.504.200	3.162.099.997	547.589.091	-	9.319.656.015
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.590.687.000	-	-	-	1.590.687.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.448.661.877)	(1.065.221.350)	(285.684.791)	(128.280.000)	(3.927.848.018)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	168.633.080.774	167.272.047.077	58.014.548.205	13.466.133.755	3.524.457.954	410.910.267.765
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	22.516.546.155	23.623.704.397	13.642.991.326	8.131.420.546	1.960.389.801	69.875.052.225
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	67.727.417.340	96.773.344.139	29.738.839.727	10.533.679.955	3.253.873.617	208.027.154.778
- Khấu hao trong kỳ	3.503.884.585	8.339.217.742	2.316.510.057	389.489.144	69.201.085	14.618.302.613
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.307.711.080)	(921.252.354)	(266.276.500)	(109.893.200)	(2.605.133.134)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	71.231.301.925	103.804.850.801	31.134.097.430	10.656.892.599	3.213.181.502	220.040.324.257

#### Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	100.511.200.707	66.141.173.615	26.178.829.831	2.670.549.500	398.864.337	195.900.617.990
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	97.401.778.849	63.467.196.276	26.880.450.775	2.809.241.156	311.276.452	190.869.943.508

(\*) Một số tài sản là máy móc, thiết bị thuộc dây chuyền chiết xuất dược liệu của Công ty TNHH MTV TraphacoSapa, một công ty con của Công ty, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 46,7 tỷ VND được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

## Công ty Cổ phần Traphaco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chi phí giải phóng mặt bằng	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	33.373.954.266	416.291.335	4.972.028.674	3.385.206.470	42.147.480.745
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	33.373.954.266	416.291.335	4.972.028.674	3.385.206.470	42.147.480.745
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	-	255.316.470	255.316.470
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	52.060.269	1.281.851.118	1.401.441.305	2.735.352.692
Hao mòn trong kỳ	-	4.453.339	77.687.946	503.095.759	585.237.044
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	56.513.608	1.359.539.064	1.904.537.064	3.320.589.736
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	33.373.954.266	364.231.066	3.690.177.556	1.983.765.165	39.412.128.053
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	33.373.954.266	359.777.727	3.612.489.610	1.480.669.406	38.826.891.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Công trình nhà máy dược Traphaco Hưng Yên (*)	55.405.395.907	45.515.964.726
Dự án nhà máy dược Traphaco Sapa	14.619.465.943	7.209.646.118
Công trình văn phòng tại Cần Thơ	2.479.653.636	2.479.653.636
Hệ thống xử lý nước thải	1.745.216.929	53.257.050
Công trình văn phòng tại Gia Lai	1.616.180.092	1.616.180.092
Dự án phần mềm ERP	1.393.880.000	-
Công trình khác	413.979.091	504.597.273
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.673.771.598</b>	<b>57.379.298.895</b>

(\*) Đây là chi phí xây dựng liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dược Traphaco Hưng Yên tại khu đất 4,6 hecta thuộc xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với tổng mức đầu tư dự kiến là 477 tỷ VND.

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Quảng Trị	43%	43%	43%	43%

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Quảng Trị là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 3200042637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 6 tháng 10 năm 1998. Công ty này có trụ sở chính tại số 185 đường Lê Duẩn, phường 2, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Quảng Trị trong kỳ là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (tiếp theo)**

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

*Đơn vị tính: VND*

*Công ty Cổ phần Dược  
- Vật tư Y tế Quảng Trị*

**Giá trị đầu tư:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>3.576.498.999</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>3.576.498.999</u>

**Phần lợi nhuận lũy kế sau khi mua công ty liên kết sau  
khi trừ cổ tức được nhận:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	784.000.167
Phần lãi từ công ty liên kết	63.518.051
Cổ tức được nhận trong kỳ	<u>(125.710.000)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>721.808.218</u>

**Giá trị còn lại**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>4.360.499.166</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>4.298.307.217</u>

(\*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

## Công ty Cổ phần Traphaco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Đơn vị tính: VND			
	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH MTV Traphaco Sapa	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Thái Nguyên	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.467.939.358	12.135.476.481	28.205.187.022	41.808.602.861
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.467.939.358	12.135.476.481	28.205.187.022	41.808.602.861
<b>Phân bổ lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.192.700.730 91.746.210	1.213.547.648 606.773.824	11.752.161.258 1.410.259.351	14.158.409.636 2.108.779.385
- Phân bổ trong kỳ				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.284.446.940	1.820.321.472	13.162.420.609	16.267.189.021
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	275.238.628	10.921.928.833	16.453.025.764	27.650.193.225
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	183.492.418	10.315.155.009	15.042.766.413	25.541.413.840

### 16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán		
- Công ty TNHH Nanum CNC	221.169.530.662	221.169.530.662
- Phải trả đối tượng khác	135.994.104.711 85.175.425.951	203.655.173.212 114.916.711.576 88.738.461.636
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>221.169.530.662</b>	<b>203.655.173.212</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.2)	28.154.255.309	25.523.185.830	(34.420.542.755)	19.256.898.384
Thuế thu nhập cá nhân	3.570.056.936	8.877.030.928	(8.816.216.495)	3.630.871.369
Thuế giá trị gia tăng	746.320.117	22.960.882.510	(23.192.804.568)	514.398.059
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	10.162.925.058	(10.162.925.058)	-
Thuế nhập khẩu	-	6.124.973.871	(6.124.973.871)	-
Thuế khác	5.150.381	166.909.681	(49.681.541)	122.378.521
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.475.782.743</b>	<b>73.815.907.878</b>	<b>(82.767.144.288)</b>	<b>23.524.546.333</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Các khoản chiết khấu phải trả cho khách hàng	18.513.539.556	2.272.254.551
Chi phí cộng tác viên	10.847.271.722	870.151.935
Chi phí khảo sát thị trường	3.920.238.000	5.057.104.000
Trích tiền thưởng cho CBCNV	2.200.000.000	2.000.000.000
Chi phí phải trả khác	4.432.817.340	3.351.961.205
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.913.866.618</b>	<b>13.551.471.691</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	25.427.946.278	964.147.278
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.410.913.420	1.588.256.651
Kinh phí công đoàn	1.374.100.548	623.449.149
Nhận ký quỹ, ký cược	529.000.000	515.000.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	511.398.004	337.286.633
Các khoản phải trả khác	4.021.418.788	4.526.605.392
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.274.777.038</b>	<b>8.554.745.103</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>14.630.000.000</b>	<b>14.630.000.000</b>	<b>1.179.600.000</b>	<b>(1.735.000.000)</b>	<b>14.074.600.000</b>	<b>14.074.600.000</b>	
Vay đối tượng khác	14.630.000.000	14.630.000.000	-	(1.735.000.000)	12.895.000.000	12.895.000.000	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	-	1.179.600.000	-	1.179.600.000	1.179.600.000	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>11.183.392.322</b>	<b>(1.179.600.000)</b>	<b>10.303.792.322</b>	<b>10.303.792.322</b>	
Vay ngân hàng dài hạn	300.000.000	300.000.000	11.183.392.322	(1.179.600.000)	10.303.792.322	10.303.792.322	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.930.000.000</b>	<b>14.930.000.000</b>	<b>12.362.992.322</b>	<b>(2.914.600.000)</b>	<b>24.378.392.322</b>	<b>24.378.392.322</b>	

**20.1 Các khoản vay ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác:

Khoản vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Vay cán bộ công nhân viên	12.895.000.000	Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 17 tháng 5 năm 2017. Lãi vay được thanh toán tại thời điểm trả nợ gốc.	8%/năm	Không
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.895.000.000</b>			

## Công ty Cổ phần Traphaco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 20.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	11.483.392.322	Gốc vay được thanh toán trong vòng 25 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 30 tháng 11 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	7,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó sẽ được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng.	Một phần máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 46,7 tỷ đồng và các tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy được Traphaco Sapa.

#### TỔNG CỘNG

**11.483.392.322**

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 1.179.600.000
- Vay dài hạn 10.303.792.322

## Công ty Cổ phần Traphaco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	246.764.330.000	153.747.160.000	(3.593.000)	179.264	257.064.405.248	129.713.730.991	787.286.212.503
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	76.509.879.673	76.509.879.673
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(74.019.900.000)	(74.019.900.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	54.019.375.179	(54.019.375.179)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(18.733.544.277)	(18.733.544.277)
- Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	246.764.330.000	153.747.160.000	(3.593.000)	179.264	311.083.780.427	58.450.791.208	770.042.647.899

Đơn vị tính: VND

## Công ty Cổ phần Traphaco

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	246.764.330.000	153.747.160.000	(3.593.000)	179.264	312.296.798.152	166.416.575.824	879.221.450.240
- Tăng vốn từ nguồn quỹ	98.690.830.000	-	-	-	(98.690.830.000)	-	-
- Đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	-	100.938.931.773	100.938.931.773
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(74.019.900.000)	(74.019.900.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	98.200.999.640	(98.200.999.640)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.531.127.116)	(16.531.127.116)
- Thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.279.715.787)	(2.279.715.787)
- Giảm khác	-	-	-	(179.264)	-	(424.045.344)	(424.224.608)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	345.455.160.000	153.747.160.000	(3.593.000)	-	311.806.967.792	75.899.719.710	886.905.414.502

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty đã thực hiện phát hành bổ sung 9.869.083 cổ phiếu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn cổ phần. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc phát hành bổ sung cổ phiếu và báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã nhận được quyết định ban hành bởi Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết này.

(\*\*) Việc chia cổ tức và phân phối lợi nhuận trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	123.220.940.000	123.220.944.000	-	88.014.960.000	88.014.960.000	-
Vietnam Azalea Fund Limited	86.344.880.000	86.344.888.000	-	61.674.920.000	61.674.920.000	-
Vietnam Holding Limited	36.032.470.000	36.032.472.000	-	25.737.480.000	25.737.480.000	-
Các cổ đông khác	99.856.870.000	99.856.856.000	-	71.336.870.000	71.336.870.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>345.455.160.000</b>	<b>345.455.160.000</b>	<b>-</b>	<b>246.764.230.000</b>	<b>246.764.230.000</b>	<b>-</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	246.764.330.000	246.764.330.000
Tăng trong kỳ (Thuyết minh 21.1)	98.690.830.000	-
Số cuối kỳ	<u>345.455.160.000</u>	<u>246.764.330.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>		
Cổ tức cho năm 2015: 3.000 VND/cổ phiếu	74.019.900.000	-
Cổ tức cho năm 2014: 3.000 VND/cổ phiếu	-	74.019.900.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>		
Cổ tức cho năm 2015	49.438.318.000	-
Cổ tức cho năm 2014	-	73.874.969.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.4 Cổ phiếu**

Số lượng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng (*)</b>	<b>34.545.516</b>	<b>24.676.433</b>
Cổ phiếu phổ thông	34.545.516	24.676.433
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>(3.133)</b>	<b>(3.133)</b>
Cổ phiếu phổ thông	(3.133)	(3.133)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành (*)</b>	<b>24.673.300</b>	<b>24.673.300</b>
Cổ phiếu phổ thông	24.673.300	24.673.300
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

(\*) Như được trình bày tại Thuyết minh 21.1, tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc phát hành bổ sung 9.869.083 cổ phiếu và báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết này được Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 295/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 7 năm 2016.

**22. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Số đầu kỳ</b>	85.278.195.990	82.161.782.918
Lợi nhuận trong kỳ	11.532.007.205	12.117.922.621
Khen thưởng Ban điều hành	(269.070.213)	-
Tặng do chuyển từ công ty liên kết thành công ty con	-	3.320.229.173
Cổ tức công bố	(1.217.044.562)	(9.287.404.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.814.863.003)	(3.288.606.799)
Giảm khác	(446.928.084)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>93.062.297.333</b>	<b>85.023.923.913</b>

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
1.Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	42.935	55.542
2.Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.295.634.501	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phân loại lại)</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.022.433.211.400</b>	<b>962.167.664.960</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	720.836.793.343	684.953.393.061
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	301.281.040.155	276.727.951.203
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	315.377.902	486.320.696
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(3.500.164.460)</b>	<b>(1.289.641.449)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(3.479.860.247)	(1.289.641.449)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(12.300.000)	-
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(8.004.213)	-
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>1.018.933.046.940</u></b>	<b><u>960.878.023.511</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	1.011.624.203.499	953.927.860.306
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	7.308.843.441	6.950.163.205

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.941.701.475	3.112.604.958
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	871.053.496	33.131.293
Doanh thu tài chính khác	978.259.759	598.183.508
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.791.014.730</u></b>	<b><u>3.743.919.759</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phân loại lại)</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	266.056.428.447	262.298.737.864
Giá vốn của hàng hóa đã bán	268.491.781.839	253.872.072.850
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	48.168.381
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>534.548.210.286</u></b>	<b><u>516.218.979.095</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chiết khấu thanh toán	41.779.944.414	36.990.691.875
Lãi tiền vay	566.664.000	849.373.011
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	360.955.703	2.293.945.864
Chi phí tài chính khác	-	137.368.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>42.707.564.117</u></b>	<b><u>40.271.378.750</u></b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>226.420.183.928</b>	<b>219.618.450.324</b>
- Chi phí nhân công	58.131.054.224	57.854.593.966
- Chi phí cộng tác viên	27.484.546.896	38.369.136.197
- Chiết khấu bán hàng	35.189.347.170	26.583.857.445
- Chi phí quảng cáo	54.739.965.818	41.822.934.157
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.110.009.109	2.526.602.198
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.693.176.994	2.676.259.564
- Chi phí khác	46.072.083.717	49.785.066.797
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>85.512.001.985</b>	<b>79.283.343.027</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	50.120.802.356	50.107.916.571
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.197.699.270	2.386.465.815
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.825.047.884	6.283.919.147
- Chi phí khác	25.368.452.475	20.505.041.494
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>311.932.185.913</u></b>	<b><u>298.901.793.351</u></b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.188.699.364	248.913.281.601
Chi phí nhân công	163.941.585.233	168.202.501.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.203.539.657	14.068.632.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.498.039.436	72.820.737.617
Chi phí khác	123.442.441.570	96.537.617.111
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>585.274.305.260</u></b>	<b><u>600.542.770.620</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty và các công ty con, ngoại trừ các đơn vị dưới đây, là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế:

- ▶ Công ty TNHH MTV TraphacoSapa: thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến dược liệu, nông lâm sản, thực phẩm tại thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai; và
- ▶ Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco: thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất thuốc chữa bệnh đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2007. Công ty này được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm 2007 đến hết năm 2010 và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm kể từ năm 2011 đến hết năm 2019.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thuế TNDN hiện hành	25.523.185.830	21.920.083.230
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(303.196.526)	(14.899.370)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.219.989.304</u></b>	<b><u>21.905.183.860</u></b>

### 29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>137.690.928.282</b>	<b>110.532.986.154</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>	<b>7.320.558.762</b>	<b>4.447.363.746</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không đủ hóa đơn, chứng từ	5.571.178.583	6.891.744.680
Phân bổ lợi thế thương mại	2.108.779.385	2.108.779.385
Dự phòng phải thu khó đòi	848.838.980	-
Thủ lao Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	514.443.048	828.634.449
Chi phí khấu hao vượt mức quy định hiện hành	62.539.528	14.379.799
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(1.451.219.107)	(5.257.823.240)
Lãi từ công ty liên kết	(63.518.051)	(138.351.327)
Các khoản giảm khác	(270.483.604)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>145.011.487.044</b>	<b>114.980.349.900</b>
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	94.671.643.478
Thu nhập chịu thuế suất 20%	121.650.743.187	-
Thu nhập chịu thuế suất 10%	23.360.743.857	20.308.706.422
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>26.666.223.023</b>	<b>22.858.632.207</b>
Thuế TNDN được giảm trong kỳ	(1.143.037.193)	(938.548.977)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành sau miễn giảm</b>	<b>25.523.185.830</b>	<b>21.920.083.230</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	28.154.255.309	30.477.986.872
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(34.420.542.755)	(36.825.951.948)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>19.256.898.384</b>	<b>15.572.118.154</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cần trừ khi hợp nhất	1.547.367.721	1.244.171.195	303.196.526	14.899.370
	<b>1.547.367.721</b>	<b>1.244.171.195</b>	<b>303.196.526</b>	<b>14.899.370</b>
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>			<b>303.196.526</b>	<b>14.899.370</b>

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Quảng Trị	Công ty liên kết	Bán hàng Cổ tức được chia	7.308.843.441 125.710.000	6.950.163.205 -

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2015: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>'hải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Quảng Trị	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	4.189.936.202	2.568.151.518
			<b>4.189.936.202</b>	<b>2.568.151.518</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lương và thưởng	4.305.951.091	2.376.525.825
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.305.951.091</b>	<b>2.376.525.825</b>

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	100.938.931.773	76.509.879.673
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(6.483.118.057)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ</b>	<b>100.938.931.773</b>	<b>70.026.761.616</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	34.542.383	34.542.383
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>34.542.383</b>	<b>34.542.383</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	2.922	2.027
- Lãi suy giảm	2.922	2.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được phân bổ cho giai đoạn tài chính sáu tháng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(\*\*) Công ty cũng đã thực hiện điều chỉnh lại số bình quân gia quyền của cổ phiếu (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 do ảnh hưởng của việc phát hành bổ sung cổ phiếu thưởng trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến dược phẩm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty và các công ty con hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dưới 1 năm	4.476.989.424	4.366.257.696
Từ 1 - 5 năm	12.687.355.857	10.626.431.709
Trên 5 năm	34.472.792.708	26.255.367.762
	<b>51.637.137.989</b>	<b>41.248.057.167</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. TRÌNH BÀY VÀ PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này. Chi tiết như sau:


Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (được trình bày lại)	Đơn vị tính: VND
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	38.410.524.507	16.300.000.000	54.710.524.507	
212	Trả trước cho người bán dài hạn	16.300.000.000	(16.300.000.000)	-	

Ngoài ra, Công ty cũng đã phân loại lại một số khoản mục chi tiết thuộc chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp và trình bày lại chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 như được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 24.1, 25 và 31.

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 21, vào ngày 20 tháng 7 năm 2016, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 295/QĐ-SGDHCM chấp thuận việc niêm yết 9.869.083 cổ phiếu được Công ty phát hành bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 30 tháng 3 năm 2016. Theo đó, kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2016, tổng số cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch là 34.542.383 cổ phiếu.

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

  
\_\_\_\_\_  
Người lập  
Nguyễn Ngọc Thúy

  
\_\_\_\_\_  
Kế toán trưởng  
Đinh Trung Kiên

  
  
\_\_\_\_\_  
Tổng Giám đốc  
Trần Túc Mã

Ngày 26 tháng 8 năm 2016